

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 28-9-2022.
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Bình.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Đức Chung và bà Nguyễn Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thuỳ Linh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 474/2022/TLST-HNGĐ ngày 06/6/2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số: 168/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1985; HKTT: Tổ 6, khu phố P, thị xã P, tỉnh B; Chỗ ở hiện nay: Tổ 3, ấp 6, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Vũ Đức Q, sinh năm 1977; Địa chỉ: Ấp 6, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Chị D, anh Q vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị và anh Vũ Đức Q về chung sống với nhau từ năm 2000 có đăng ký kết hôn tại thị trấn P, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 182, quyển số 01 ngày 29/11/2012. Hôn nhân giữa anh chị là hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian chung sống anh chị luôn phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống về mọi mặt, vợ chồng không hiểu nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau, theo chị anh Q còn thường xuyên uống rượu và đánh đập chị. Anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay. Từ khi sống ly thân không còn yêu thương, chăm sóc, quan tâm gì đến nhau mà mạnh ai người đó sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng

không còn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Đức Q.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung tên Vũ Thị Kim N, sinh ngày 18/4/2016; Vũ Đức M, sinh ngày 19/7/2013 và Vũ Thị Kim H, sinh ngày 04/9/2014. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N, cháu H và giao cháu M cho anh Q nuôi dưỡng. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị xác định chị và anh Q có đủ các điều kiện nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vũ Đức Q đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng, không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng, bị đơn triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa làm việc gây khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Buộc nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Chị D có đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn với anh Vũ Đức Q, sinh năm 1977; Địa chỉ: Ấp 6, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn chị D vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn anh Q được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh Q tự nguyện yêu thương chung sống, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 182, quyển số 01 ngày 29/11/2012 theo đúng quy định tại các điều 9, 11, 12 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên xác nhận hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

2.2. Xét yêu cầu ly hôn của chị D, xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án chị D cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã ngày càng trầm trọng, anh chị đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2021 đến nay, từ khi sống ly thân vợ chồng không còn quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, người nào chỉ biết bốn phận người đó, bỏ mặc người còn lại muốn sống ra sao thì sống. Nay chị kiên quyết ly hôn.

Bị đơn anh Vũ Đức Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng, không cung cấp ý kiến, tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Điều này cho thấy anh Q không còn quan tâm đến đời sống hôn nhân với chị D.

Căn cứ vào biên bản xác minh tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX xét thấy yêu cầu của chị D về việc xin ly hôn với anh Q là có cơ sở để chấp nhận.

2.3. Về con chung: Anh chị có 03 con chung tên Vũ Thị Kim N, sinh ngày 18/4/2016; Vũ Đức M, sinh ngày 19/7/2013 và Vũ Thị Kim H, sinh ngày 04/9/2014. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N, cháu H và giao cháu M cho anh Q nuôi dưỡng. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Theo chị D xác định và căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện chị D, anh Q có đủ các điều kiện nuôi dưỡng con chung. Tại lời khai của cháu N và cháu H, hai cháu cũng có nguyện vọng do chị D nuôi dưỡng; tại lời khai của cháu M, cháu cũng có nguyện vọng do anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, HĐXX xét thấy yêu cầu về con chung của chị D là có cơ sở để chấp nhận.

Do đó, xét cần giao con chung là cháu N và cháu H cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và giao con chung là cháu M cho anh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

2.4. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

2.5. Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc chị D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Xét đề nghị nêu trên của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long

Thành là phù hợp với nhận định của HĐXX nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 9, 11, 12 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Các điều 51, 53, Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị D về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Vũ Đức Q.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 (hai) con chung tên Vũ Thị Kim N, sinh ngày 18/4/2016 và Vũ Thị Kim H, sinh ngày 04/9/2014 và giao cho anh Vũ Đức Q được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 01 (một) con chung tên Vũ Đức M, sinh ngày 19/7/2013. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị D, anh Q có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở chị D, anh Q thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không xem xét.

4. Về nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Dung đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0005798 ngày 02/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Chị D đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Chị D, anh Q được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- UBND Phú Mỹ, Tân Thành, Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Long Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bình

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- UBND Phường 8, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre;
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Long Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bình

